

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VIỆT 24
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VIỆT 24

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET 24 ARCHITECTURE LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET24 ARCHI CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109543646

3. Ngày thành lập: 09/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 4L, hẻm 101/19, ngõ Góc Đề, đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902206168

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
2.	Sản xuất than cốc	1910
3.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
4.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
5.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
7.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
8.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
9.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
10.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
11.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
12.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
13.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
14.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
15.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
16.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
18.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
19.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
20.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

21.	Đúc sắt, thép	2431
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: - Mạ, đánh bóng kim loại... - Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; - Phun cát, trộn, làm sạch kim loại; - Nhuộm màu, chạm, in kim loại; - Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài... - Mài, đánh bóng kim loại; - Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại; - Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.	2592
23.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
24.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Không bao gồm Hoạt động Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
25.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
26.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
27.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
28.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
29.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
30.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
31.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
32.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
33.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
34.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
35.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
36.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
37.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
38.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
39.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
40.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
41.	Sản xuất máy luyện kim	2823
42.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
43.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825

44.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
45.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế tạo các loại máy móc, thiết bị xử lý nước;	3290
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
51.	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện; Nhiệt điện than; Nhiệt điện khí; Điện hạt nhân; Điện gió; Điện mặt trời; Điện khác	3511
52.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
53.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
54.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
55.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
56.	Thu gom rác thải độc hại	3812
57.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
58.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
59.	Tái chế phế liệu	3830
60.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
63.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
64.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
65.	Xây dựng nhà không để ở	4102
66.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
67.	Xây dựng công trình điện	4221
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
74.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
75.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa	4610
76.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)	4620

77.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
78.	Bán buôn thực phẩm	4632
79.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
80.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
81.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
83.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
84.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
86.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
87.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
88.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
89.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
90.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
91.	Bán buôn tổng hợp	4690
92.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
93.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4719
94.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
95.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
96.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ kinh doanh vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
97.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
98.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922

99.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
100.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
101.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
102.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
103.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
104.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
105.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
106.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
107.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
108.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
109.	Cơ sở lưu trú khác	5590
110.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
111.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
112.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
113.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
114.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
115.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
116.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
117.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
118.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
119.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
120.	Cho thuê xe có động cơ	7710
121.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
122.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
Số giấy chứng thực cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN TIỀN _____ Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *28/12/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *036083000363*
Ngày cấp: *24/04/2017* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *tổ 21, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *tổ 21, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội